

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty trước đây nhiều lần, lần cuối cùng gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Năm	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Noan Ninh Duy Khôn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồ Song	Thành viên
	Ông Lê Ninh Bửu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chánh Năm	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ảnh Nhỏ	Trưởng Ban
	Ông Trần Quốc Hồng	Thành viên
	Ông Ninh Ngọc Minh	Thành viên

Trụ sở đăng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cội Phường An Hòa Quận Ninh Kiều. Thành phố Cần Thơ Việt Nam

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TAI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.195.141.531.988	1.112.734.777.360
Tiền và các khoản tương đồng tiền	110	3	482.344.335.576	536.789.184.106
Tiền	111		208.922.574.006	138.026.832.839
Các khoản tương đồng tiền	112		273.421.761.570	398.762.351.267
Nhuận tố ngắn hạn	120		0	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130	4	364.594.478.075	266.890.879.799
Phải thu thông mại	131		270.437.996.739	222.152.094.114
Trai trước cho người bán	132		48.665.699.056	26.063.756.097
Phải thu khác	135		54.767.030.225	21.836.566.440
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(9.276.247.945)	(3.161.536.852)
Hàng tồn kho	140	5	340.718.781.407	292.003.526.922
Hàng tồn kho	141		343.684.749.518	296.848.351.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.965.968.111)	(4.844.824.822)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.483.936.930	7.051.186.533
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.420.665.689	213.294.086
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	14	87.744.019	129.164.970
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.975.527.222	6.708.727.477

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		375.750.955.775	339.514.121.144
Tài sản cố định	220		244.474.311.379	231.346.367.245
Tài sản cố định hữu hình	221	6	124.733.199.149	113.314.372.360
Nguyên giá	222		251.066.671.697	221.229.135.022
Khấu hao lũy kế	223		(126.333.472.548)	(107.914.762.662)
Tài sản cố định vô hình	227	7	117.782.955.512	112.769.647.760
Nguyên giá	228		121.380.032.011	113.484.980.185
Phân bổ lũy kế	229		(3.597.076.499)	(715.332.425)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.958.156.718	5.262.347.125
Bất động sản thuê	240	9	3.660.801.796	-
Nguyên giá	241		4.787.298.437	-
Khấu hao lũy kế	242		(1.126.496.641)	-
Ńàu tđ dài hạn	250	10	89.171.529.886	69.607.042.724
Ńàu tđ vào công ty con	251		50.550.000.000	38.550.000.000
Ńàu tđ vào công ty liên kết	252		37.287.450.000	23.830.000.000
Ńàu tđ dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Đổi phòng giảm giá Ńàu tđ dài hạn	259		(10.566.970.314)	(4.674.007.476)
Tài sản dài hạn khác	260		38.444.312.714	38.560.711.175
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	35.747.168.821	36.108.383.430
Tài sản thuê hoàn lại	262	26	821.476.627	821.476.627
Tài sản dài hạn khác	268		1.875.667.266	1.630.851.118
TỔNG TÀI SẢN	270		1.570.892.487.763	1.452.248.898.504

Các thuyết minh nđnh kèm lđ báo cáo tài chính riêng giữa niên đđ này

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỘI PHẢI TRẢ	300		446.023.246.303	479.361.666.600
Nội ngắn hạn	310		393.884.461.800	426.564.693.319
Vay ngắn hạn	311	12	16.217.131.913	73.979.662.132
Phải trả thông mai	312	13	73.663.374.094	79.190.790.892
Khách hàng tạm ứng	313		1.254.568.821	1.001.512.191
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	17.185.187.995	31.454.790.935
Phải trả cho nhân viên	315		103.132.767.825	70.983.383.445
Chi phí trích trước	316	15	131.734.065.969	150.032.732.744
Phải trả khác	319		21.265.922.752	11.513.322.734
Quy định thưởng và phúc lợi	323	16	29.431.442.431	8.408.498.246
Nội dài hạn	330		52.138.784.503	52.796.973.281
Doanh thu chưa thực hiện	333		119.417.273	-
Đòi phong tỏa tạm thời việc	336	17	13.789.337.864	14.096.813.663
Quy định triển khai khoa học và công nghệ	339	18	38.230.029.366	38.700.159.618
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.124.869.241.460	972.887.231.904
Vốn chủ sở hữu	410		1.124.869.241.460	972.887.231.904
Vốn công phần	411	19	269.129.620.000	266.629.620.000
Thặng dư vốn công phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Có phiếu ngân quỹ	414	19	(455.850.000)	(410.400.000)
Quy định tổ chức triển khai	416		187.595.334.349	4.217.739.831
Quy định phong tài chính	418		59.884.587.817	29.662.409.519
Lợi nhuận chưa phân phối	420		229.954.156.470	294.026.469.730
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.570.892.487.763	1.452.248.898.504

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Leà Chánh Nào
Phó Tổng Giám đốc

ngày 22 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Dầu Hải Giang

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2010 VNĐ	30/09/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	20	491.301.052.230	417.132.353.217	1.334.710.452.823	1.213.551.884.192
Các khoản giảm trừ	02	20	(1.994.048.031)	(5.696.401.607)	(12.169.272.852)	(17.812.877.085)
Doanh thu thuần	10	20	489.307.004.199	411.435.951.610	1.322.541.179.971	1.195.739.007.107
Giaivoán hàng bán	11	21	(261.420.001.073)	(204.578.747.059)	(715.547.108.754)	(608.610.463.329)
Lãi nhuận gộp	20		227.887.003.126	206.857.204.551	606.994.071.217	587.128.543.778
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.902.629.522	6.435.378.036	46.486.745.130	16.260.978.722
Chi phí hoạt động tài chính	22	23	(727.099.645)	(4.765.066.661)	(8.346.627.243)	(26.627.273.814)
Chi phí bán hàng	24		(125.223.639.271)	(111.808.031.520)	(301.311.015.795)	(285.825.150.698)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(33.642.713.643)	(27.217.346.118)	(85.112.340.829)	(74.929.616.204)
Lãi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.196.180.089	69.502.138.288	258.710.832.480	216.007.481.784
Kết quả các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	24	3.824.271.039	647.269.328	7.638.048.869	4.599.911.639
Chi phí khác	32	25	(4.055.515.722)	(181.755.993)	(7.309.665.364)	(3.411.472.990)
Lãi nhuận khác	50		(231.244.683)	465.513.335	328.383.505	1.188.438.649
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	26	(9.419.565.025)	(7.266.997.625)	(29.085.059.515)	(22.827.472.918)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52					
Lãi nhuận thuần	60		68.545.370.381	62.700.653.998	229.954.156.470	194.368.447.515
Lãi cô bản trên cổ phiếu	70	27	2.548	2.352	8.547	7.292

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Leì Chanh Nào
Phó Tổng Giám đốc

ngày 22 tháng 10 năm 2010

Các thuyết minh nình kèm lại báo cáo hợp thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngắn hạn VNĐ	Quyền tài trợ và phát triển VNĐ	Quy định phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số đầu ngày 1 tháng 1 năm 2009	200.000.000.000	378.761.392.824	(292.500.000)	38.460.772.279	21.962.409.519	62.012.122.650	700.904.197.272
Cổ phiếu quy mô mua lại	-	-	(117.900.000)	-	-	-	(117.900.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	194.368.447.515	194.368.447.515
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	32.386.587.552	7.700.000.000	(40.086.587.552)	0
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.193.293.776)	(16.193.293.776)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.292.029.781)	(1.292.029.781)
Cổ tức (thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(29.988.795.000)	(29.988.795.000)
Số đầu ngày 30 tháng 9 năm 2009	200.000.000.000	378.761.392.824	(410.400.000)	70.847.359.831	29.662.409.519	168.819.864.056	847.680.626.230
Cổ phiếu thông	66.629.620.000	-	-	(66.629.620.000)	-	-	0
Cổ phiếu quy mô mua lại	-	-	-	-	-	-	0
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	125.206.605.674	125.206.605.674
Số đầu ngày 31 tháng 12 năm 2009	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.217.739.831	29.662.409.519	294.026.469.730	972.887.231.904

Các thuyết minh đính kèm là báo cáo hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quyên góp từ các phát triển VNĐ	Quy đổi phòng tại chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.217.739.831	29.662.409.519	294.026.469.730	972.887.231.904
Cổ phiếu quy mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quy tại phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	229.954.156.470	229.954.156.470
Có tài (thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(39.977.508.000)	(39.977.508.000)
					30.222.178.298	(213.599.772.816)	
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	183.377.594.518	-	6)	0
Chuyển sang quy khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.222.178.298)	(30.222.178.298)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.227.010.616)	(10.227.010.616)
Cổ phiếu ESOP	2.500.000.000						2.500.000.000
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	229.954.156.470	1.124.869.241.460

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Le Chanh Nao
Phó Tổng Giám đốc

ngày 22 tháng 10 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dürk Hải Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Ma số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
LÖU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lãi nhuận trước thuế	01		259.039.215.985	217.195.920.433
Nhiều chênh cho				
Khai hao và phân bổ	02		26.666.218.975	20.946.542.768
Các khoản đổi phòng	03		10.128.817.220	13.029.964.026
Lãi từ thanh lý tài sản	04		(679.621.638)	
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(42.960.295.640)	(14.566.372.247)
Chi phí lãi vay	06		1.304.528.070	1.959.257.883
Lãi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		253.498.862.972	238.565.312.863
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(94.571.232.297)	8.772.122.007
Biến động hàng tồn kho	10		(46.836.397.774)	(29.737.694.431)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		17.151.032.869	(2.397.609.459)
Biến động chi phí trả trước	12		(846.156.994)	(20.152.591.673)
Lãi vay nhận trả	13		(1.742.173.614)	(1.601.985.122)
Thu nhập doanh nghiệp nhận nộp	14		(41.927.482.805)	(22.507.350.445)
Thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		0	340.280.000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.896.374.981)	(37.705.657.105)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		64.830.077.376	133.574.826.635
LÖU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(51.624.765.505)	(44.219.014.307)
Thu từ việc bán giảm giá mua quyền sử dụng đất	22		5.364.173.499	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		3.485.248.739	3.651.212.397
Tiền cho các nền và khác vay	24		(7.000.000.000)	(29.597.631.620)
Tiền cho vay từ các nền và khác	25		500.000.000	20.370.092.420
Tiền chi đầu tư vào các nền và khác	26		(25.615.000.000)	(1.504.200.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các nền và khác	27		10.157.550.000	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	28		40.743.023.626	13.548.000.470
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(23.989.769.641)	(37.751.540.640)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

	Ma số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
LÖU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH				
Thu từ phát hành vốn	31		2.591.350.000	-
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	32		(136.800.000)	(117.900.000)
Thu từ nội vay ngắn hạn	33		23.106.560.177	181.554.021.902
Thanh toán nợ	34		(80.869.090.396)	(79.690.914.318)
Chi trả cổ tức	36		(39.977.176.046)	
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tại chính	40		(95.285.156.265)	101.745.207.584
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(54.444.848.530)	197.568.493.579
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		536.789.184.106	193.916.455.156
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	482.344.335.576	391.484.948.735

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởngLê Chanh Nào
Phó Tổng Giám đốc

ngày 22 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Dōốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc kèm theo với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Nền và báo cáo

Công ty Cổ phần Dōốc Hải Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 1800156801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lại ngày 04 tháng 2 năm 2010. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dōốc phẩm.

Cổ phiếu của công ty đōốc niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Công ty có 1.935 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.987 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu đōốc Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), đōốc lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa kỳ. Báo cáo tài chính này cần đōốc đọc kèm theo với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ đōốc lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đōốc lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính riêng và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh đōốc ghi nhận theo nguyên giá trừ đi rủi ro giảm giá đầu tư dài hạn, nếu cần, trong các báo cáo tài chính này. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và đã phát hành riêng các báo cáo này.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Ban Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc nhận giải lãi các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận về xóa sổ vào năm kế tiếp. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày :	31/12/2009:	18.479 VND/USD
		26.963 VND/EUR
	30/09/2010:	19.500 VND/USD
		26.842 VND/EUR

(d) Tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tổng nợ ngắn hạn là các khoản nợ ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích nhập ồng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản nợ đầu tư

Các khoản nợ đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản nợ đầu tư và các công cụ nợ chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản nợ đầu tư và các công cụ nợ của Công ty con và Công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty được phân ánh theo nguyên giá. Đối phòng giảm giá nợ đầu tư được lập khi Ban Nội hành cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Đối phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một số kiến phát sinh sau khi khoản đối phòng này được lập. Khoản đối phòng về hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản nợ đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản nợ đầu tư này khi giá trị không có khoản đối phòng nào được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thông mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ đối phòng phải thu khi có.

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở nhà máy và trong trạng thái hiện tại. Nó với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung của các phân xưởng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phát sinh tiếp theo của tài sản nên và trí trong trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng của đối tượng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã mua và hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và sửa tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tài sản thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai đối với thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên một hoạt động tiêu chuẩn của các phân xưởng, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp phát sinh liên quan tới việc ban hành quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mua phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán nhò tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 7 năm.

(j) Bất động sản hữu形

(i) Nguyên giá

Bất động sản hữu hình được phân định theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản hữu hình bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để hoạt động cho mục đích sử dụng dài hạn. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản hữu hình được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai đối với thu được từ việc sử dụng bất động sản hữu hình vượt trên tiêu chuẩn hoạt động của bất động sản hữu hình ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá nhò một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản hữu hình từ 5 đến 16 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và mua sắm các công trình hoàn thành hoặc chờ lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Dúi Hai Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc thuê nhà cho việc sử dụng trả thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tháng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê nhà từ 39 đến 41 năm.

(m) Các khoản phải trả không lãi và phải trả khác

Phải trả không lãi và phải trả khác được phân tích theo nguyên giá:

(n) Dối phong

Dối phong được ghi nhận khi, do kết quả của một số kiện trong quá khứ Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tổng nội các chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tổng lại để thanh toán nghĩa vụ nội. Dối phong được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền đối tính trong tổng lại theo lãi suất trước thuế phân tích được sử dụng để giải thích tại cuối thời kỳ và giá trị thời gian của dòng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả nội.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế đối diện phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số đo trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mức trích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mức trích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được đối diện sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tổng lại để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không có các chênh lệch liên quan này sẽ biến mất được.

Công ty Cổ phần Dốc Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại nhờ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận nhờ khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu ngân quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận nhờ vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế được ghi nhận nhờ một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận nhờ một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán hoặc được phát hành lại, khoản thu được ghi nhận nhờ một khoản tăng vào vốn chủ sở hữu, và hàng đó hoặc thậm chí trên các giao dịch được chuyển nên/từ hàng đó vốn.

(q) Quy định vốn chủ sở hữu

Phần bổ sung trích lập mỗi năm cho các quy định vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các công việc quy định trong năm hoặc công việc thông niên.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bù trừ lại.

(ii) Thu nhập cốt lõi

Cốt lõi được ghi nhận nhờ thu nhập khi quyền nhận cốt lõi được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp thông thường dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ous này thuê ngắn hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhờ một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoài trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì chi phí vay thì khi nào chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(u) Lợi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lợi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lợi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các công nợ sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo báo phân

Báo phân là một phần riêng biệt của Công ty, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (báo phân kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế khác (khu vực nhà lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các báo phân khác. Báo phân này hoạt động riêng của Công ty hoặc trong một báo phân kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt phẩm và một báo phân nhà lý trong yêu cầu Việt Nam.

(w) Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, nhỏ hoặc không có tính chất trọng yếu trong Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	31.998.315.105	36.004.738.513
Tiền gửi ngân hàng	176.924.258.901	102.022.094.326
Các khoản tổng nợ ngắn hạn	273.421.761.570	398.762.351.267
	<hr/>	<hr/>
	482.344.335.576	536.789.184.106

Trong tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có số ngoại tệ tổng cộng 15.611 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 28.376 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thông mãĩ bao gồm:

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khoản phải thu thông mãĩ từ công ty con	76.289.323.079	36.620.180.807
Khoản phải thu thông mãĩ từ công ty liên kết	560.499.375	570.773.696
Khoản phải thu thông mãĩ từ bên thứ ba	193.588.174.285	184.961.139.611
	<u>270.437.996.739</u>	<u>222.152.094.114</u>

Trái trước cho người bán tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là khoản trái trước cho việc mua máy móc thiết bị và dũch vụ xây dựng.

Phải thu khác bao gồm:

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí hoa hồng trái trước	37.169.692.224	6.772.001.609
Thu nhập tiền lãi phải thu	2.213.672.222	5.090.610.265
Cho vay (*)	8.111.590.582	1.985.742.846
Phải thu từ các công ty con	514.629.797	124.851.862
Khác	6.757.445.400	7.863.359.858
	<u>54.767.030.225</u>	<u>21.836.566.440</u>

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết vay và các bệnh viện với kỳ hạn dũoi một năm, không ãoũc ãm bảo và chịu lãi suất ãm từ 0.7% ãm 13% trong kỳ (2009: từ 0.7% ãm 12%).

Biến ãoũng dũi phong phải thu khi ãoũi trong kỳ ãoũh sau:

	Kỳ ãoũi 1/1/2010 ãm 30/9/2010 VNĐ	Kỳ ãoũi 1/1/2009 ãm 30/9/2009 VNĐ
Số ãoũ ãm kỳ	3.161.536.852	18.702.735.510
Tũng dũi phong trong kỳ	6.114.711.093	1.833.510.970
	<u>9.276.247.945</u>	<u>20.536.246.480</u>

Công ty Cổ phần Dĩnh Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua nông sản nông	48.485.774.645	43.124.674.437
Nguyên vật liệu	118.952.663.564	116.139.550.290
Sản phẩm dở dang	31.539.802.087	22.275.521.710
Thành phẩm	138.566.448.900	99.725.506.135
Hàng hóa	2.185.957.136	5.040.313.746
Hàng gửi đi bán	3.954.103.186	10.542.785.426
	<hr/>	<hr/>
	343.684.749.518	296.848.351.744
Dối phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.965.968.111)	(4.844.824.822)
	<hr/>	<hr/>
	340.718.781.407	292.003.526.922

Biến động đối phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ đầu 1/1/2010 năm 30/9/2010 VNĐ	Kỳ đầu 1/1/2009 năm 30/9/2009 VNĐ
Số đầu năm kỳ	4.844.824.822	-
Số dùng trong kỳ	(1.878.856.711)	-
	<hr/>	<hr/>
Số cuối kỳ	2.965.968.111	-

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phòng tiện văn chuyê VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số đầu năm kỳ	45.190.778.862	99.578.007.918	44.239.323.191	32.221.025.051	221.229.135.022
Tăng trong kỳ	2.127.118.911	9.179.858.414	1.598.717.271	5.259.844.653	18.165.539.249
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.048.925.247	2.728.654.849	14.869.515.969	857.095.273	23.504.191.338
Chuyển qua bất động sản hữu hình	(4.787.298.437)	-	-	-	(4.787.298.437)
Thanh lý	(255.594.801)	(850.836.856)	(5.381.222.911)	(557.240.907)	(7.044.895.475)
Số cuối kỳ	47.323.929.782	110.635.684.325	55.326.333.520	37.780.724.070	251.066.671.697
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm kỳ	15.237.061.112	54.084.046.848	17.960.024.879	20.633.629.823	107.914.762.662
Khấu hao trong kỳ	2.904.188.293	11.575.924.337	5.411.139.734	3.556.891.592	23.448.143.956
Chuyển qua bất động sản hữu hình	(790.165.696)	-	-	-	(790.165.696)
Thanh lý	(255.594.801)	(731.051.972)	(2.733.777.640)	(518.843.961)	(4.239.268.374)
Số cuối kỳ	17.095.488.908	64.928.919.213	20.637.386.973	23.671.677.454	126.333.472.548
Giá trị còn lại					
Số đầu năm kỳ	29.953.717.750	45.493.961.070	26.279.298.312	11.587.395.228	113.314.372.360
Số cuối kỳ	30.228.440.874	45.706.765.112	34.688.946.547	14.109.046.616	124.733.199.149

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

7. Tài sản có hình vô hình

	Quyền sử dụng nhà vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng nhà có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	58.681.043.545	52.516.207.480	2.287.729.160	113.484.980.185
Tăng trong kỳ	13.203.644.075	-	55.581.250	13.259.225.325
Nhiều chi giảm mua	-	(5.364.173.499)	-	(5.364.173.499)
Số cuối kỳ	71.884.687.620	47.152.033.981	2.343.310.410	121.380.032.011
Phần bồi đắp kế				
Số đầu kỳ			715.332.425	715.332.425
Phần bồi đắp trong kỳ		2.601.894.790	279.849.284	2.881.744.074
Số cuối kỳ	-	2.601.894.790	995.181.709	3.597.076.499
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	58.681.043.545	52.516.207.480	1.572.396.735	112.769.647.760
Số cuối kỳ	71.884.687.620	44.550.139.191	1.348.128.701	117.782.955.512

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ đầu 1/1/2010 ngày 30/9/2010 VNĐ	Kỳ đầu 1/1/2009 ngày 30/9/2009 VNĐ
Số đầu kỳ	5.262.347.125	2.002.554.431
Tăng trong kỳ	24.294.636.655	27.076.476.824
Chuyển sang tài sản có hình hữu hình	(23.504.291.338)	(18.412.058.988)
Xóa sổ	(4.094.635.724)	(1.923.919.612)
Số cuối kỳ	1.958.056.718	8.743.052.655

Công ty Cổ phần Dệt Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

9. Bất động sản hữu形

	Nhà cổ VN
Nguyên giá	
Chuyển từ tài sản cố định	4.787.298.437
	<hr/>
Số đầu kỳ	4.787.298.437
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Chuyển từ tài sản cố định	790.165.696
Phân bổ trong kỳ	336.330.945
	<hr/>
Số đầu kỳ	1.126.496.641
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	-
Số đầu kỳ	3.660.801.796
	<hr/> <hr/>

Giá trị hợp lý của bất động sản hữu hình không khác nhiều bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và năm cùng kỳ năm với bất động sản hữu hình của Công ty và cũng không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản hữu hình này.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

10. Nợ dài hạn

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nợ vào công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	50.550.000.000	38.550.000.000
	<hr/>	<hr/>
Nợ vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tập Vinh Hải	3.787.450.000	3.830.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	13.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vinh Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	37.287.450.000	23.830.000.000
	<hr/>	<hr/>
Nợ dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược vật y tế Bình Đông	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược vật y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược vật y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thông mail Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<hr/>	<hr/>
	11.901.050.200	11.901.050.200
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động đối phòng giảm giá tài sản dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ đầu 1/1/2010 năm 30/9/2010 VNĐ	Kỳ đầu 1/1/2009 năm 30/9/2009 VNĐ
Số đầu năm kỳ	4.674.007.476	7.000.000.000
Tăng đối phòng trong kỳ	5.892.962.838	-
Hoàn nhập	-	(2.325.992.524)
Số cuối kỳ	10.566.970.314	4.674.007.476

Chi tiết các khoản tài sản dài hạn của các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/9/2010	31/12/2009
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, dịch vụ quảng cáo	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hoa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/9/2010	31/12/2009
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số6104000035 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ tành Cao Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhôa, nhôm, giáy; in xuất bán an phẩm	Số5704000183 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ thanh phóáCàn Thô cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số6403000044 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ tành Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số1601171629 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ tành An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số5904000064 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ tành Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số1801113085 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ thanh phóáCàn Thô cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tồ, trang thiết bị, dụng cụ y tế thốc phẩm chốc năng vàdđộc myôphảm	Số1200975943 do Sôu Kếhoạch vàNầu tồ tành Tien Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/9/2010	31/12/2009
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Tài Vinh Hải	Sản xuất và kinh doanh Tài Spirulina.	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Nầu tố tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Dược phẩm nang meim DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm dưới dạng viên nang meim.	Số 3700634575 do Sở Kế hoạch và Nầu tố tỉnh Bình Dông cấp ngày 25 tháng 1 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bảo vệ Công nghệ cao Vinh Tổng	Sản xuất bao bì tời hạt nhựa nguyên sinh.	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Nầu tố tỉnh Bình Dông cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năng cấp tại sản thuê VNĐ	Chi phí trả trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số đầu kỳ	2.048.073.510	34.060.309.920	36.108.383.430
Tăng trong kỳ	548.786.000	-	548.786.000
Phản bù trong kỳ	(616.328.529)	(293.672.080)	(910.000.609)
Số cuối kỳ	1.980.530.981	33.766.637.840	35.747.168.821

Công ty Cổ phần Dệt Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

12. Vay ngắn hạn

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	58.441.135.487
Khoản vay từ nhân viên của Công ty (*)	16.217.131.913	15.538.526.645
	<hr/>	<hr/>
	16.217.131.913	73.979.662.132

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 0.55% đến 0.6% trong kỳ (2009: từ 0.55% đến 0.6%).

13. Phải trả thông mai

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải trả thông mai cho các công ty con	12.105.759.301	13.123.725.607
Phải trả thông mai cho các công ty liên kết	1.678.260.657	497.185.000
Phải trả thông mai cho bên thứ ba	59.879.354.136	65.569.880.285
	<hr/>	<hr/>
	73.663.374.094	79.190.790.892

14. Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.532.960.446	4.873.452.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.419.565.025	22.261.988.315
Thuế nhà đất	-	-
Khác	3.232.662.524	4.319.350.104
	<hr/>	<hr/>
	17.185.187.995	31.454.790.935

Công ty Cổ phần Dĩnh Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Chi tiết tổng khoản thuế như sau:

	<u>Số năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.873.452.516	13.933.880.602	(14.274.372.672)	4.532.960.446
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.952.228.809	(16.952.228.809)	-
Thuế xuất. nhập khẩu	(129.164.970)	5.936.866.546	(5.895.445.595)	(87.744.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.261.988.315	29.085.059.515	(41.927.482.805)	9.419.565.025
Thuế thu nhập cá nhân	3.777.316.939	20.468.094.350	(21.012.748.765)	3.232.662.524
Thuế nhà	-	2.165.474.402	(2.165.474.402)	-
Thuế khác	542.033.165	40.228.592	(582.261.757)	-
Cộng	<u>31.325.625.965</u>	<u>88.581.832.816</u>	<u>(102.810.014.805)</u>	<u>17.097.443.976</u>

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

15. Chi phí trích trước

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Giảm giá hàng bán	78.604.728.365	102.335.385.100
Chi phí khuyến mãi	30.613.545.571	23.842.585.427
Chi phí hồi thoái	14.056.006.689	9.932.467.215
Chi phí quảng cáo	1.037.636.995	2.378.127.202
Lãi vay phải trả	56.740.949	494.386.493
Khác	7.365.407.400	11.049.781.307
	<hr/>	<hr/>
	131.734.065.969	150.032.732.744

16. Quy định thưởng và phúc lợi, quy định cho Hội đồng Quản trị

Quy định này lập bảng việc phân bổ tiền lãi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các công đồng tài sản hội công đồng. Quy định này sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Hội đồng Công đồng của Công ty.

Biên độ các quy định trong kỳ như sau:

	Quy định thưởng phúc lợi VNĐ	Quy định cho Hội đồng Quản trị VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số đầu kỳ	7.317.924.353	1.090.573.893	8.408.498.246
Phân bổ quy định	30.222.178.298	10.227.010.616	40.449.188.914
Sử dụng quy định	(12.247.983.757)	(7.178.260.972)	(19.426.244.729)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số cuối kỳ	25.292.118.894	4.139.323.537	29.431.442.431

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

17. Dãi phòng trích lập thôi việc

Bien động dãi phòng trích lập thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số đầu kỳ	14.096.813.663
Trích lập dãi phòng trong kỳ	1.208.274.408
Số dùng dãi phòng trong kỳ	(1.515.750.207)
	<hr/>
Số cuối kỳ	13.789.337.864
	<hr/> <hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên nũnhiều kiến") thì nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trích lập thôi việc cho nhân viên nội tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên nội. Dãi phòng trích lập thôi việc nội lập theo tỷ lệ từ 1% đến 3% trên tổng lương cơ bản theo hàng năm của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010, nội toàn ã cho dãi phòng trích lập thôi việc nội tính theo Luật Lao động là 13.789 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 15.115 triệu VNĐ). Khoản dãi phòng này nội tính mà không áp dụng kỹ thuật xác suất thống kê trong nội nội tính nội tỷ lệ chiết khấu, tăng lương trong tổng lại, tỷ lệ nội suất và mất sức lao động.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kết từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải nộp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức nộp bởi mỗi bên nội tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung nội Chính phủ quy định trong tổng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dãi phòng trích lập thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trích lập thôi việc phải trả cho các nhân viên nũnhiều kiến nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ nội xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên nội tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010, Công ty ã nội 396 triệu VNĐ (cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009: 258 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này nội ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dông Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

18. Quy phát triển khoa học và công nghệ

Biên độ của quy phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số đầu kỳ	38.700.159.618
Số dùng quy phát triển khoa học và công nghệ	(470.130.252)
	<hr/>
Số cuối kỳ	38.230.029.366

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	30/9/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành	26.912.962	269.129.620.000	26.662.962	266.629.620.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(9.120)	(410.400.000)
	<hr/>		<hr/>	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ phiếu được nhận có thời hạn công bố vào tổng thời hạn. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Nếu với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mỗi quyền lợi nếu bị giải oan cho nên khi số cổ phiếu nội được phát hành lại.

Biên độ về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 01/1/2010 đến 30/9/2010		Kỳ từ 01/1/2009 đến 30/9/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số đầu kỳ	26.653.842	266.219.220.000	19.993.500	199.707.500.000
Cổ phiếu thông phát hành trong kỳ	250.000	2.500.000.000	6.662.962	66.629.620.000
Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong kỳ	(3.040)	(136.800.000)	(2.620)	(117.900.000)
Cổ phiếu ngân quỹ phát hành lại trong kỳ	2.030	91.350.000	-	-
	<hr/>		<hr/>	
Số cuối kỳ	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000

Công ty Cổ phần Dệt Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán nội ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ báo tháng kết thúc ngày		Kỳ chính tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Thanh phẩm nội bán	460.392.505.083	388.007.571.109	1.227.129.505.922	1.120.185.675.727
▪ Hàng hóa nội bán	22.734.962.405	24.635.939.962	66.576.458.996	75.538.758.015
▪ Hàng khuyến mãi	8.173.584.742	4.488.842.146	41.004.487.905	17.827.450.450
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	491.301.052.230	417.132.353.217	1.334.710.452.823	1.213.551.884.192
Các khoản giảm trừ				
▪ Giảm giá hàng bán	-	(125.528)	-	(22.222.289)
▪ Hàng bán bỏ trái lãi	(1.994.048.031)	(5.696.276.079)	(12.169.272.852)	(17.790.654.796)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(1.994.048.031)	(5.696.401.607)	(12.169.272.852)	(17.812.877.085)
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	489.307.004.199	411.435.951.610	1.322.541.179.971	1.195.739.007.107
Trong nội				
▪ Thanh phẩm nội bán	458.408.870.003	382.319.308.243	1.215.032.537.342	1.102.417.223.230
▪ Hàng hóa nội bán	22.724.549.454	24.627.801.221	66.504.154.724	75.494.333.427
▪ Hàng khuyến mãi	8.173.584.742	4.488.842.146	41.004.487.905	17.827.450.450

Công ty Cổ phần Dệt Hàng Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ báo tháng kết thúc ngày 30/9/2010		Kỳ chính tháng kết thúc ngày 30/9/2009	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thành phẩm ñaibain	231.753.681.466	177.236.926.397	612.363.298.457	520.995.629.585
Hàng hoĩa ñaibain	21.503.247.378	22.852.611.566	62.192.827.190	69.789.203.894
Hàng khuyến mãi	8.163.072.229	4.489.209.096	40.990.983.107	17.825.629.850
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	261.420.001.073	204.578.747.059	715.547.108.754	608.610.463.329

22. Doanh thu hoạt ñộng tài chính

	Kỳ báo tháng kết thúc ngày 30/9/2010		Kỳ chính tháng kết thúc ngày 30/9/2009	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu lãi tiền gửi	8.080.471.405	6140901616	24.236.564.494	13.573.058.175
Có ñối	250.114.800	95744400	18.723.731.146	1.335.934.032
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.572.043.317	198732020	3.526.449.490	1.351.986.515
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	9.902.629.522	6.435.378.036	46.486.745.130	16.260.978.722

Công ty Cổ phần Dệt Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

23. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	269.031.085	1.718.954.884	1.304.528.070	1.959.257.883
Loài chênh lệch tỷ giá	433.068.560	114.457.387	1.077.136.335	624.852.019
Đổi phòng ngừa tỷ giá dài hạn	-	0	5.892.962.838	12.674.007.476
Chiết khấu thanh toán	-	2.931.654.390	-	11.347.507.762
Chi phí khác	25.000.000	-	72.000.000	21.648.674
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	727.099.645	4.765.066.661	8.346.627.243	26.627.273.814

24. Thu nhập khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ bán phế liệu	104.365.170	127.077.905	330.582.780	290.613.361
Thu từ thanh lý tài sản công nghiệp hữu hình khác	1.513.694.322	25.046.344	3.485.248.739	3.617.829.369
	2.206.211.547	495.145.079	3.822.217.350	691.468.909
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.824.271.039	647.269.328	7.638.048.869	4.599.911.639

25. Chi phí khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản công nghiệp hữu hình khác	1.598.157.897	28.334.415	2.781.885.957	2.632.840.620
	2.457.357.825	153.421.578	4.527.779.407	778.632.370
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	4.055.515.722	181.755.993	7.309.665.364	3.411.472.990

Công ty Cổ phần Dâu Hải Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

26. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ:

	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản đời phòng	821.476.627	821.476.627

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành	9.419.565.025	7.266.997.625	29.085.059.515	22.827.472.918
Chi phí thuế hoãn lại	-	-	-	-
Thuế thu nhập	9.419.565.025	7.266.997.625	29.085.059.515	22.827.472.918

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Nậu tố. Công ty công nhận vui nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2004 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các niên khoản trong Giấy phép Nậu tố của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, có phiếu của Công ty Cổ phần Dâu Hải Giang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, do vậy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm sau khi kết thúc thời gian miễn, giảm thuế nêu trên.

Công ty Cổ phần Dệt Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

27. Lợi cô bán trên cổ phiếu

Việc tính toán lợi cô bán trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông và số lỗ bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Nội dung thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần phần bỏ cho các công nợ số hữu cổ phiếu phổ thông	68.545.370.381	62.700.653.999	229.954.156.470	194.368.447.515

(ii) Số lỗ bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.652.326	19.992.530	26.653.842	19.993.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	250.000	6.662.962	250.000	6.662.962
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2009	-	-	-	(467)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	-	(1.632)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	-	-	910	-
Số lỗ bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	26.902.326	26.655.492	26.903.120	26.655.995

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

28. Cổ tức

Nội hội đồng của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 69.966 triệu VNĐ trong nội bộ gồm cổ tức giữa niên độ là 29.989 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 9 năm 2009) và cổ tức cuối năm là 39.977 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 26 tháng 3 năm 2010).

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mọi quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các công đồng, các giám đốc và các nhân viên của mình.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Ngoài số đã với các công ty con và các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	Kỳ chính tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG		
Mua nguyên vật liệu	83.498.397.265	72.877.390.130
Bán nguyên vật liệu	31.873.959.860	24.538.787.430
Nhận lãi nhuận	11.949.594.202	
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG		
Cung cấp dịch vụ	16.199.431.830	
Bán hàng hóa	486.723.636	1.970.000
Nhận lãi nhuận	672.166.938	
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	18.872.246.670	13.667.445.488
Nhận lãi nhuận	1.571.946.445	
Công ty TNHH MTV DT Pharma		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	19.496.238.712	14.903.385.875
Bán tài sản cố định		182.683.623
Nhận lãi nhuận	971.769.217	

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	Kỳ chính tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	21.754.822.024	18.074.307.944
Nhận lỗi nhuận	1.086.525.116	
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	19.176.538.780	12.285.565.385
Bán tài sản cố định		185.093.247
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Mua nguyên vật liệu	16.915.933.889	15.308.281.135
Bán nguyên vật liệu	3.803.029.579	5.118.991.729
Bán tài sản cố định		2.769.815.104
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	36.977.341.055	30.330.630.546
Bán tài sản cố định		315.440.735
Công ty TNHH MTV A&G Pharma		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	60.012.160.838	10.406.763.470
Nhận lỗi nhuận	1.019.253.478	
Công ty TNHH MTV TOT Pharma		
Mua hàng hóa	5.298.165.548	
Bán thanh phẩm, hàng hóa	26.953.449.359	
Công ty TNHH MTV TG Pharma		
Bán thanh phẩm, hàng hóa	11.567.951.920	
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	671.600.000	661.010.900
Có tác	300.000.000	400.000.000
Giá công		2.594.656.000
Công ty Cổ phần Taid Vĩnh Hải		
Mua nguyên vật liệu	5.959.000.000	2.467.181.364
Giá công		100.571.152
Công ty Cổ phần DHG Softcaps		
Mua nguyên vật liệu	3.724.984.231	-
Phí giá công	2.038.731.212	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên quan hệ có liên quan

Lương, thưởng và công tác phí cho các bên quan hệ có liên quan

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	4.650.394.087	2.727.460.311

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	536.160.724.168	472.191.968.341
Chi phí nhân công và nhân viên	307.983.032.135	166.152.250.284
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.705.781.642	20.979.556.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.708.833.791	109.638.972.182
Các chi phí khác	48.930.494.696	89.712.785.421

31. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh nội bộ phân loại lại để phù hợp với cách trình bày kỳ hiện hành như sau:

	31/12/2009 (phân loại lại)	31/12/2009 (nhỏ hơn báo cáo trước đây)
	VNĐ	VNĐ
Chi phí phải trả	150.032.732.744	188.732.892.362
Phải trả khác	11.513.322.734	12.603.896.627
Quyền khoan thuế và phúc lợi	8.408.498.246	7.317.924.353
Quyền phát triển khoa học và công nghệ	38.700.159.618	-

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

LeãChánh Nào
Phó Tổng Giám đốc

ngày 22 tháng 10 năm 2010